TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2022
V/v tranh chấp *"xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Phúc**

Bà **Trần Thị Thu Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Yến L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Q,** sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Anh Q vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 10/12/2021 nguyên đơn chị Đoàn Thị Yến L trình bày: Tôi và anh Trần Văn Q cưới nhau vào năm 2007, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do, do bất đồng quan điểm thường hay cải vã, đã cố gắn hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn Q; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Ngày 03/3/2022 nguyên đơn chị Đoàn Thị Yến L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh anh Trần Văn Q đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị L và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Đoàn Thị Yến L và bị đơn anh Trần Văn Q vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Đoàn Thị Yến L tại phiên tòa, thì chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Q. Anh Trần Văn Q hiện cư trú tại ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Đoàn Thị Yến L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn Q không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh Q vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Đoàn Thị Yến L và bị đơn anh Trần Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay chị Đoàn Thị Yến L yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Yến L. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh Q có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị L xác định do bất đồng quan điểm thường hay cải vã, đã cố gắn hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2019 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của chị L và anh Q từ năm 2019 đến nay cũng đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị L và anh Q cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án chị L cương quyết được xin ly hôn đối với anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Trần Văn Q đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị L và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Anh Q đã được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh vẫn không có ý kiến. Như vậy chứng tỏ anh Q đã không còn tình cảm đối với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội

đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Đoàn Thị Yến L được ly hôn anh Trần Văn Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Đoàn Thị Yến L được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về án phí:

Chị Đoàn Thị Yến L phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0002883 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị L thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị L và anh Q được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T;
- Các đương sự:
  + Đoàn Thị Yến L
  + Trần Văn Q
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh